

LDVN Vietsovpetro / BCP
Phòng Thương mại/ KO
Số/№: 3990/26-KHLCNT-PTM/BMĐH
Ngày/От: 13/04/2026г

“THỎA THUẬN”
“СОГЛАСОВАНО”
Phó Tổng giám đốc XDCB
Зам. Гендиректора по КС

Signed by: Đặng Đức Phong
Date: 20/04/2026 14:57:51
Certified by: Vietsovpetro CA

Đặng Đức Phong

“THỎA THUẬN”
“СОГЛАСОВАНО”
Phó Tổng giám đốc TM
Зам. Гендиректора по Коммерции

Signed by: Trần Quốc Thắng
Date: 20/04/2026 16:58:31
Certified by: Vietsovpetro CA

Trần Quốc Thắng

“PHÊ DUYỆT”
“УТВЕРЖДАЮ”
Tổng giám đốc Vietsovpetro
Генеральный Директор

Signed by: Vũ Mai Khanh
Date: 21/04/2026 16:20:29
Certified by: Vietsovpetro CA

Vũ Mai Khanh

“PHÊ DUYỆT”
“УТВЕРЖДАЮ”
Phó Tổng giám đốc thứ nhất
Первый Зам. Гендиректора

Signed by: Сидоров Игорь
Николаевич
Date: 21/04/2026 14:50:42
Certified by: Vietsovpetro CA

Сидоров Игорь Николаевич

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU **ПЛАН ВЫБОРА ПОДРЯДЧИКА**

- Đơn vị đặt hàng: Xí nghiệp Khai thác dầu khí – Vietsovpetro;
Заказчик: ПДНГ;
- Đơn hàng số DV-1142/26-KT ngày 01/04/2026;
Заявка No.DV-1142/26-KT от 01/04/2026г;
- Tên dịch vụ: “Sửa chữa và phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-5” / *На приобретение услуг: “Ремонт и восстановление АКП металлоконструкций верхнего строения на МСП-5”.*
- Ngày nhận đơn hàng: 06/04/2026;
Дата получения заявки отделом исполнителем: 06/04/2026г.
- Ngày bắt đầu thực hiện: 07/04/2026;
Дата начала реализации: 07/04/2026г.
- Phòng thực hiện: Phòng Thương mại - BMĐH Vietsovpetro.
Отдел - исполнитель: Коммерческий Отдел СП
- Quy chế áp dụng: “Quy chế về thể thức mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ để đảm bảo tính liên tục cho sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro” số VSP-000-TM-238, phiên bản 02, sửa đổi 02, hiệu lực ngày 01/01/2026.
Применяется: “Положение о порядке приобретения товаров и услуг для обеспечения непрерывность хозяйственно-производственной деятельности и поддержания постоянной работы СП «Вьетсовпетро» № VSP-000-TM-238, версия 02, редакция 02, вступающими в силу с 01.01.2026г.
- Số hiệu gói thầu: DV-1142/26-KT1-PHA



Номер пакета: DV-1142/26-KT1-PHA

- Tên gói thầu: “Sửa chữa và phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-5” - DV-1142/26-KT1-PHA / Наименование услуг: “Ремонт и восстановление АКП металлоконструкций верхнего строения на МСП-5” - DV-1142/26-KT1-PHA.
- Loại gói thầu: Dịch vụ phi tư vấn.
Вид тендерного пакета: Приобретение Неконсалтинговых Услуг.
- Giá gói thầu bao gồm thuế GTGT (8%) là : , trong đó bao gồm:
Стоимость тендерного пакета, включая НДС (8%): 1 USD, В том числе:
 - + Giá trị dịch vụ / Стоимость услуг: 1 USD
 - + Giá trị dự phòng / Запас:
 - + Giá trị thuế / Ориентировочная сумма налогов:
- Các Quyết định phê duyệt dự toán / Приказ об утверждении сметы по объекту:
 - + Quyết định số 1343/QĐSX-XDCB ngày 22/09/2025 v/v phê duyệt dự toán “Sửa chữa kết cấu kim loại trên giàn MSP-5”; Biểu dự toán số MSP5-159-TS-CE5-CE-001 (Rev.0);
Приказ об утверждении сметы Объекта: “Ремонт металлоконструкций на MSP-5” № 1343/QĐSX-XDCB от 22/09/2025г; Смета №. MSP5-159-TS-CE5-CE-001 (Rev.0);
 - + Quyết định số 1348/QĐSX-XDCB ngày 22/09/2025 v/v phê duyệt dự toán: “Phục hồi lớp sơn chống ăn mòn trên MSP-5”; Biểu dự toán số MSP5-160-TS-CE5-CE-001 (Rev.0);
Приказ об утверждении сметы Объекта: «Восстановление антикоррозионного покрытия на MSP-5» № 1348/QĐSX-XDCB от 22/09/2025г; Смета №. MSP5-160-TS-CE5-CE-001 (Rev.0);
- Quy mô gói thầu: Gói thầu quy mô nhỏ.
Тендерный пакет: Тендерный пакет малого масштаба.
- Gói thầu: Gói thầu trọn gói.
Тендерный пакет: Тендерный пакет целый.
- Tùy chọn mua thêm / Опция дополнительной закупки: N/A
- Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa /Максимальный объем опций дополнительной закупки: N/A
- Lô / Блок: 09-1.
- Tên dự án / Проект: N/A.
- Nguồn tài chính - Источник финансирования: Lô 09-1 / Блок 09-1
 - + Mục - Пункт №: A.1 & A.2: "Sửa chữa KCKL & Phục hồi lớp sơn CAM - Ремонт металлоконструкций и Восстановление антикоррозионных покрытий" - Phụ lục số 12 kèm theo Biên bản cuộc họp Hội đồng Vietsovetpetro lần thứ LVIII / Приложения №.12 к протоколу LVIII заседания Совета СП.
 - + Mục - Пункт №: 03.05.01.01.01 – Phụ lục 22.2 - Приложения № 22.2. Kế hoạch tài chính (Dịch vụ thuê ngoài, các khoản trích nộp, thuế) LDVN Vietsovetpetro năm 2026 / Фин. План (Услуги сторонних организаций, отчисления и оказание помощи, налоги) СП «Вьетсовпетро» на 2026г.
- Nguồn tài chính cho giá trị thuế: Mục 22.00.00.00 Phụ lục 22.2.
Пункт 22.00.00.00 “Налоги” Приложение № 22.2.

- ❖ Kế hoạch thanh toán theo năm 2026 (chưa VAT): 46.937,30 USD / 1.243.838.477 VNĐ;
План выполнения оплат 2026г (без учета НДС):
- ❖ Kế hoạch thanh toán theo năm 2027 (chưa VAT): 422.435,71 USD / 11.194.546.290 VNĐ;
План выполнения оплат 2027г (без учета НДС):

1. **Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
Форма выбора подрядчика *Расширенный внутренний тендер, онлайн тендер*
2. **Quy trình lựa chọn nhà thầu:** Quy trình ĐTRRTN thông thường qua mạng đấu thầu quốc gia.
Процедура выбора подрядчика: *По стандартной процедуре проведения расширенного внутреннего тендера.*
3. **Phương thức lựa chọn nhà thầu:** Một giai đoạn - Một túi hồ sơ
Форма проведения тендера *Одноэтапный тендер - Одно пакетный тендер*
4. **Kế hoạch thực hiện / График проведения тендера:**

№.	Các bước <i>Этапы исполнения</i>	Thời gian thực hiện (ngày làm việc) <i>Срок исполнения (Рабочий день)</i>
1	Lập, trình ký tắt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT), E-Hồ sơ mời thầu cho đấu thầu qua mạng (E-HSMT). <i>Составление и визирование Плана выбора подрядчика и Документов приглашения на тендер (Е-ДПТ).</i>	07
2	Trình Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt KHLCNT, E-HSMT. <i>Утверждение руководством ВСП Плана выбора подрядчика, Е-ДТП.</i>	04
3	Đăng tải thông tin và tổ chức mời thầu: Thông báo mời thầu rộng rãi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo hình thức “vốn khác” và trên trang Web của Vietsovpetro. <i>Публикация информации и приглашение на тендер: Публикация информации расширенного тендера на “Государственная сетевая тендерная система” и на Website СП «Вьетсовпетро».</i>	02 ngày lịch / календарных дня
4	Phát hành E-HSMT, nhận và mở E-Hồ sơ dự thầu (E-HSDT). <i>Выдача Документов приглашения на тендер, получение и вскрытие тендерных предложений.</i>	20 ngày lịch / календарных дней
5	Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT, năng lực kinh nghiệm nhà thầu. <i>Оценить обоснованность Документов приглашения на Е-ДПТ, возможностей и опыта подрядчика.</i>	05
6	Đánh giá kỹ thuật, lập và trình ký tắt Kết luận kỹ thuật (KLKT). <i>Оценка тендерных предложений, составление и визирование Технического заключения.</i>	10
7	Trình Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt KLKT. <i>Утверждение руководством ВСП технического заключения.</i>	02
8	Đánh giá thương mại, lập và trình ký tắt Báo cáo đánh giá E-Hồ sơ dự thầu (BCĐG E-HSDT).	07

№.	Các bước Этапы исполнения	Thời gian thực hiện (ngày làm việc) Срок исполнения (Рабочий день)
	<i>Коммерческая оценка предложений, составление и визирование Отчёта оценки тендерных предложений.</i>	
9	Trình Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt BCĐG E-HSDT. <i>Утверждение руководством СП отчёта оценки тендерных предложений.</i>	03
10	Đàm phán thương thảo hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất. <i>Переговоры с поставщиками по проекту контракта.</i>	04
11	Lập, trình ký tắt Báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu (BCKQLCNT). <i>Составление, визирование Отчёта о результатах выбора подрядчика.</i>	07
12	Trình Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt BCKQLCNT. <i>Утверждение Руководством ВСП Отчёта о результатах выбора подрядчика.</i>	03
13	Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu. <i>Уведомление подрядчиков о результатах выбора подрядчика.</i>	02
14	Hoàn thiện ký tắt hợp đồng và trình Lãnh đạo Vietsovpetro ký tắt, ký chính thức dự thảo hợp đồng. <i>Подготовка проекта контракта и предоставление его Руководству СП для визирования и подписи.</i>	04
15	Ký kết hợp đồng với nhà thầu. <i>Подписание контракта с подрядчиком.</i>	05
	Tổng số ngày thực hiện, trong đó: Общее количество дней выполнения, в том числе:	85 ngày / дня
	(i) Ngày làm việc: рабочие дни:	63
	(ii) Ngày lịch: календарные дни:	22

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 65 ngày;
Количество дней проведения выбора подрядчика: 65 дней.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 04/2026;
Начало процедуры отбора участников торгов: 04/2026;

5. Loại hợp đồng:

Hợp đồng theo đơn giá cố định (Báo cáo số TM/1059 ngày 16/3/2015 đã được Tổng Giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 02/04/2015 (số lệnh TN-2189)

Вид контракта/договора: договор с фиксировочной единичной ценой (Отчет № TM/1059 от 16/03/2015г., утвержденный Гендиректором Вьетсовпетро от 02.04.2015г. (№ Резол. TN-2189).

6. Thời gian dự kiến thực hiện: trong vòng 398 ngày, trong đó bao gồm:

Ариентировочный срок выполнения: за 398 дней, в т. ч.:

6.1 Phần công việc “Sửa chữa và chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” / *Часть работ по ремонту металлоконструкции и восстановлению антикоррозионных покрытий в согласии ремонтных ведомостей:*

Trong vòng 323 ngày, trong đó:

Ариентировочный срок выполнения: за **323 дней**, в т. ч.:

- a) Thời gian thi công trên bờ/ biển là **293 ngày**, kể từ ngày Bàn giao giàn đưa vào sửa chữa với số lượng nhân công thi công trên giàn dự kiến là 15 người (bao gồm 14 công nhân và 01 đốc công) và sau khi ký hợp đồng / *Срок выполнения береговых/ морских ремонтных работ составляет 293 дней, со дня передач МСП/БК в ремонт со ориентировочным количеством человек допускаемых работать на платформе на МСП/БК составляющим 15 чел. (включая: 14 рабочих и 01 прораб) после заключения договора;*
- b) Thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công là **30 ngày**, kể từ ngày hai Bên ký Biên bản tiền nghiệm thu / *Срок завершения приемочной/ исполнительной документации составляет 30 дней, со дня подписания обоими сторонами доприемочного акта.*

6.2 Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn” / *Часть работ по “Выполнение по локальным АКП включая (подверженные коррозии зоны в технологической трубопроводной системе, оборудо-вании и МК)”:*

Trong vòng 105 ngày, trong đó:

Ариентировочный срок выполнения: за **105 дней**, в т. ч.:

- a) Thời gian thực hiện công việc chống ăn mòn trên biển là **90 ngày** kể từ thời gian sau khi kết thúc hoàn thành khối lượng công việc sửa chữa & chống ăn mòn theo Biểu thiết kế với số lượng công nhân thực hiện là 02 người / *Срок выполнения антикоррозионных работ в море: 90 дней начиная с даты окончания работ по ремонту металлоконструкции и восстановлению антикоррозионных покрытий в согласии ремонтных ведомостей при количестве человек выполненных работ составленном 02 чел.*
- b) Thời gian hoàn thiện Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và hồ sơ liên quan: **15 ngày**, kể từ ngày kết thúc công việc / *Срок оформления Акта приемки-передачи выполненных работ и сопутствующих документов: 15 дней с даты окончания работ.*

7. Tổ chuyên gia xét thầu

Рабочая группа экспертов

8. Tổ chuyên gia hoặc các thành viên các phòng, đơn vị được chỉ định chịu trách nhiệm soạn thảo E-Hồ sơ mời thầu trên cơ sở dự thảo do phòng thực hiện lập để trình Lãnh đạo phê duyệt / *Рабочая группа экспертов проводит рассмотрение и принятие подготовленного отделом-исполнителем тендерного приглашения для представления руководству СП «Вьетсовпетро» на утверждение.*
9. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá được phê duyệt trong E-Hồ sơ mời thầu, Tổ chuyên gia tổ chức đánh giá E-Hồ sơ dự thầu và lập Báo cáo đánh giá E-Hồ sơ dự thầu, Báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu trình Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt / *На основании утверждённых критериев оценки в тендерном приглашении, рабочая группа экспертов проводит рассмотрение тендерных предложений и даёт оценку для представления руководству СП «Вьетсовпетро» на утверждение.*

Việc làm rõ E-Hồ sơ dự thầu phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu và được thực hiện như sau / *Уточнение Тендерных предложений должно обеспечить принцип сохранения основного содержания в поданном Тендерном предложении, сохранения предложенной цены и осуществляется следующим образом:*

a. Làm rõ nội dung đề xuất về kỹ thuật:

Уточнение технического содержания в Тендерных предложениях:

- Tổ chuyên gia về kỹ thuật soạn thảo nội dung cần làm rõ, ký visa (chữ ký điện tử); Tổ phó Tổ chuyên gia về kỹ thuật thỏa thuận (chữ ký điện tử); Tổ trưởng Tổ chuyên gia thầu phê duyệt nội dung và ký công văn gửi các nhà thầu / *Рабочая группа экспертов по техническому вопросу готовит документ, в котором указывает содержание уточнения Тендерного предложения, визирует (в электронном подписании); Заместитель руководителя рабочей группы экспертов согласовывает (в электронном подписании); Руководитель рабочей группы экспертов подписывает документ и подписанный документ направляет в адрес подрядчиков.*

b. Làm rõ nội dung đề xuất về Tài chính - Thương mại:

Уточнение финансово-коммерческого содержания в Тендерных предложениях:

- Tổ chuyên gia về Tài chính Thương mại soạn thảo nội dung cần làm rõ, ký visa (chữ ký điện tử); Tổ trưởng Tổ chuyên gia phê duyệt và ký công văn gửi nhà thầu /

Рабочая группа экспертов по финансово-коммерческому вопросу готовит документ, в котором указывать содержание уточнения Тендерного предложения, визирует (в электронном подписании); Руководитель рабочей группы экспертов подписывает документ и подписанный документ направляет в адрес подрядчиков.

- c. Trong trường hợp cần phải xử lý tình huống, Tổ trưởng tổ chuyên gia gửi báo cáo cho Lãnh đạo VSP xin chỉ đạo trước khi gửi làm rõ cho các nhà thầu / *В случае необходимости проработки возникающих ситуаций, Руководитель рабочей группы экспертов представит отчёт Руководству СП «Вьетсовпетро» для получения разрешения на отправку письма уточнения Документов подрядчикам.*
10. Tổ chuyên gia chịu trách nhiệm về tiến độ xem xét, đánh giá hồ sơ dự thầu. Phòng thực hiện chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện lựa chọn nhà thầu / *Рабочая группа экспертов отвечает за своевременное рассмотрение тендерных предложений и их оценку. Отдел-исполнитель несёт ответственность за осуществление контроля за выполнением проведения тендера.*

Tài liệu đính kèm / Приложение:

- 1) Đơn hàng số DV-1142/26-KT ngày 01/04/2026;
Заявка No. DV-1142/26-KT от 01/04/2026г.
- 2) Các tài liệu liên quan khác;
Другие связанные документы.